Ký bởi: CÔNG BÁO NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Cơ quan: VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
Ngày ký: 2026-04-13 16:47:33 +07:00

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 89/2026/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2026

NGHỊ ĐỊNH
Quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới; tổ chức, hoạt động của cơ sở đăng kiểm; niên hạn sử dụng của xe cơ giới

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư số 143/2025/QH15;

Căn cứ Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 118/2025/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới; tổ chức, hoạt động của cơ sở đăng kiểm; niên hạn sử dụng của xe cơ giới.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới; tổ chức, hoạt động của cơ sở đăng kiểm và niên hạn sử dụng của xe cơ giới theo quy định tại Điều 40, khoản 1 Điều 43 của Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 118/2025/QH15 (sau đây gọi chung là Luật).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Nghị định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có liên quan đến:

a) Hoạt động kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới; kiểm định xe máy chuyên dùng; chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo (sau đây gọi tắt là chứng nhận cải tạo);

b) Quản lý, sử dụng xe cơ giới có quy định về niên hạn sử dụng.

2. Nghị định này không áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động: kiểm định xe cơ giới; kiểm định xe máy chuyên dùng; chứng nhận cải tạo thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Cơ sở đăng kiểm là đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp hoặc hợp tác xã được thành lập theo quy định của pháp luật, bao gồm: cơ sở đăng kiểm xe cơ giới; cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.

2. Cơ sở đăng kiểm xe cơ giới là tổ chức được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới.

3. Cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy (sau đây gọi tắt là cơ sở kiểm định khí thải) là tổ chức được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.

4. Kiểm định xe cơ giới, kiểm định xe máy chuyên dùng là việc kiểm tra, đánh giá lần đầu và định kỳ về tình trạng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng theo quy định của pháp luật. Xe cơ giới được kiểm định không bao gồm xe mô tô, xe gắn máy.

5. Kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy là việc kiểm tra, đánh giá về thành phần khí thải của xe mô tô, xe gắn máy theo lộ trình áp dụng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải của xe mô tô, xe gắn máy tham gia giao thông đường bộ ở Việt Nam do Thủ tướng Chính phủ quy định.

6. Chứng nhận cải tạo là việc kiểm tra, đánh giá xe cơ giới, xe máy chuyên dùng có sự thay đổi (cải tạo) tuân thủ tiêu chuẩn kỹ thuật, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia theo quy định của pháp luật.

7. Đăng kiểm viên là người được cấp chứng chỉ chuyên môn theo quy định của pháp luật để thực hiện: kiểm định xe cơ giới; kiểm định xe máy chuyên dùng; chứng nhận cải tạo; kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.

8. Dây chuyền kiểm định là nơi bố trí, lắp đặt các thiết bị kiểm tra, thiết bị hỗ trợ kiểm tra, dụng cụ kiểm tra, dụng cụ hỗ trợ kiểm tra. Dây chuyền kiểm định có 3 loại sau:

a) Dây chuyền kiểm định loại I là dây chuyền kiểm định được xe cơ giới có khối lượng phân bố lên mỗi trục đơn đến 2.000 kg;

b) Dây chuyền kiểm định loại II là dây chuyền kiểm định được xe cơ giới có khối lượng phân bố lên mỗi trục đơn đến 13.000 kg;

c) Dây truyền kiểm định loại tổng hợp là dây truyền kiểm định được xe cơ giới có khối lượng phân bố lên mỗi trục đơn tổng hợp của cả 02 loại dây truyền kiểm định: loại I và loại II.

9. Xưởng kiểm định là khu vực bố trí dây chuyền kiểm định đối với cơ sở đăng kiểm xe cơ giới hoặc bố trí các thiết bị kiểm tra khí thải xe mô tô, xe gắn máy đối với cơ sở kiểm định khí thải.

10. Giấy chứng nhận kiểm định là chứng chỉ xác nhận xe cơ giới, xe máy chuyên dùng đạt yêu cầu về an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật; xe mô tô, xe gắn máy đã được kiểm định khí thải và đạt yêu cầu về thành phần khí thải theo quy định của pháp luật về môi trường, bao gồm: giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới; giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng; giấy chứng nhận kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.

11. Giấy chứng nhận cải tạo là chứng chỉ xác nhận xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật, quy chuẩn kỹ thuật theo quy định của pháp luật, bao gồm: giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo; giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng cải tạo.

12. Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới, xe máy chuyên dùng (sau đây viết tắt là tem kiểm định) là biểu trưng tham gia giao thông đường bộ của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng đã được cấp giấy chứng nhận kiểm định.

Chương II
ĐIỀU KIỆN KINH DOANH DỊCH VỤ KIỂM ĐỊNH XE CƠ GIỚI

Điều 4. Điều kiện chung

1. Đáp ứng các quy định tại Nghị định này, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy (sau đây viết tắt là Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở đăng kiểm) và được tổ chức đánh giá sự phù hợp đánh giá sự phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở đăng kiểm; trường hợp chưa có tổ chức đánh giá sự phù hợp đánh giá cơ sở đăng kiểm hoặc có Tổ chức đánh giá sự phù hợp nhưng chưa đáp ứng được nhu cầu đánh giá của cơ sở đăng kiểm thì phải được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức kiểm tra xác nhận cơ sở đăng kiểm phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở đăng kiểm.

2. Có giấy tờ, tài liệu theo quy định của pháp luật về xây dựng, pháp luật về đất đai; kết nối giao thông và đấu nối đường bộ theo quy định; bảo vệ môi trường, an toàn, vệ sinh lao động, phòng cháy và chữa cháy và pháp luật khác có liên quan khi xây dựng, đưa cơ sở đăng kiểm vào hoạt động.

Mục 1
ĐIỀU KIỆN ĐỐI VỚI CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM XE CƠ GIỚI

Điều 5. Điều kiện về diện tích

1. Mặt bằng cơ sở đăng kiểm xe cơ giới là nơi bố trí các công trình phục vụ việc kiểm định xe cơ giới trên cùng khu đất, có diện tích tối thiểu được quy định như sau:

a) Đối với cơ sở đăng kiểm xe cơ giới chỉ có một dây chuyền kiểm định loại I: 1.250 m^2;

b) Đối với cơ sở đăng kiểm xe cơ giới chỉ có một dây chuyền kiểm định loại II: 1.500 m^2;

c) Đối với cơ sở đăng kiểm xe cơ giới chỉ có một dây chuyền kiểm định tổng hợp (loại I + loại II): 1.500 m^2;

d) Đối với cơ sở đăng kiểm xe cơ giới có hai dây chuyền kiểm định: 2.500 m^2;

đ) Đối với cơ sở đăng kiểm xe cơ giới có từ 03 dây chuyền kiểm định trở lên thì diện tích cho mỗi dây chuyền tăng thêm tương ứng tính từ dây chuyền thứ 3 trở lên: 625 m^2.

2. Trường hợp cơ sở đăng kiểm xe cơ giới được bố trí chung với bến xe, trạm dừng nghỉ thì không áp dụng quy định tại khoản 1 Điều này. Xưởng kiểm định phải đáp ứng quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở đăng kiểm.

Điều 6. Điều kiện về nhân lực

Có tối thiểu 02 đăng kiểm viên thực hiện công việc chuyên môn về kiểm định xe cơ giới, trong đó có tối thiểu: 01 lãnh đạo cơ sở đăng kiểm là đăng kiểm viên và 01 lãnh đạo bộ phận kiểm định là đăng kiểm viên có kinh nghiệm thực hiện công tác kiểm định đủ 60 tháng.

Mục 2
ĐIỀU KIỆN ĐỐI VỚI CƠ SỞ KIỂM ĐỊNH KHÍ THẢI

Điều 7. Điều kiện về diện tích

Khu vực kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy có diện tích tối thiểu là 10 m^2 tương ứng với 01 thiết bị đo khí thải. Đối với khu vực kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy có từ 02 thiết bị đo khí thải trở lên thì diện tích cho mỗi thiết bị đo tăng thêm tương ứng là 05 m^2. Trường hợp diện tích của khu vực kiểm định được sử dụng chung với hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa xe mô tô, xe gắn máy thì không được gây cản trở cho việc di chuyển của phương tiện và thao tác của đăng kiểm viên.

Điều 8. Điều kiện về nhân lực

Có tối thiểu 01 đăng kiểm viên được cấp chứng chỉ chuyên môn thực hiện công việc kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.

Chương III
TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM

Điều 9. Cơ cấu tổ chức

1. Cơ cấu tổ chức của cơ sở đăng kiểm bao gồm:

a) Bộ phận lãnh đạo bao gồm: Giám đốc, Phó Giám đốc hoặc phụ trách cơ sở đăng kiểm được bổ nhiệm theo quy định của pháp luật để tổ chức quản lý, điều hành đơn vị;

b) Bộ phận kiểm định bao gồm: lãnh đạo bộ phận kiểm định và đăng kiểm viên để thực hiện kiểm định phương tiện;

c) Bộ phận văn phòng bao gồm: nhân viên văn phòng để thực hiện các công việc văn phòng, hỗ trợ hoạt động kiểm định.

2. Nhân sự thuộc các bộ phận nêu tại khoản 1 Điều này có thể kiêm nhiệm thực hiện các nhiệm vụ giữa các bộ phận khác nhau và được tính là nhân sự thuộc bộ phận kiêm nhiệm nếu đáp ứng các yêu cầu về chứng chỉ chuyên môn và điều kiện theo quy định tại Nghị định này.

Điều 10. Nguyên tắc hoạt động của cơ sở đăng kiểm

1. Bảo đảm tính độc lập, khách quan, minh bạch, tuân thủ các quy định của Nghị định này và pháp luật có liên quan về hoạt động kiểm định, chứng nhận cải tạo xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.

2. Tạo thuận lợi cho tổ chức và cá nhân khi đưa phương tiện đến kiểm định, chứng nhận cải tạo.

Điều 11. Hoạt động của cơ sở đăng kiểm

1. Thực hiện kiểm định và cấp giấy chứng nhận kiểm định cho xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; kiểm định khí thải và cấp giấy chứng nhận kiểm định khí thải cho xe mô tô, xe gắn máy; chứng nhận cải tạo và cấp giấy chứng nhận cải tạo cho xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo theo đúng quy định của pháp luật liên quan đến công tác kiểm định, chứng nhận cải tạo.

2. Phân công đăng kiểm viên thực hiện việc kiểm định, chứng nhận cải tạo, kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy phù hợp với chứng chỉ chuyên môn của đăng kiểm viên. Lập sổ phân công nhiệm vụ theo mẫu quy định tại Phụ lục I kèm theo Nghị định này.

3. Bảo đảm các thiết bị, dụng cụ kiểm tra phải đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở đăng kiểm. Trường hợp các thiết bị, dụng cụ kiểm tra là phương tiện đo thì phải được kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm theo quy định của pháp luật về đo lường.

4. Bố trí thiết bị, dụng cụ kiểm tra của cơ sở đăng kiểm tại xưởng kiểm định hoặc bên ngoài xưởng kiểm định phù hợp với các trường hợp kiểm định.

5. Việc kiểm định xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy bên ngoài cơ sở đăng kiểm được thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

6. Khi có sự cố hư hỏng hoặc thay đổi thiết bị, dụng cụ kiểm tra, cơ sở đăng kiểm chủ động khắc phục sự cố bảo đảm thiết bị, dụng cụ kiểm tra đáp ứng quy định tại khoản 3 Điều này, đồng thời thông báo bằng bản giấy hoặc dữ liệu điện tử cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để theo dõi, quản lý theo mẫu quy định tại Phụ lục II kèm theo Nghị định này. Trường hợp đã có kết nối chia sẻ dữ liệu với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thì không phải thực hiện trách nhiệm này.

7. Khi có sự thay đổi về lãnh đạo cơ sở đăng kiểm, lãnh đạo bộ phận kiểm định, đăng kiểm viên, cơ sở đăng kiểm phải thông báo bằng bản giấy hoặc dữ liệu điện tử cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo mẫu quy định tại Phụ lục III kèm theo Nghị định này. Trường hợp đã có kết nối chia sẻ dữ liệu với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thì không phải thực hiện trách nhiệm này.

8. Thu hồi giấy chứng nhận kiểm định, giấy chứng nhận cải tạo đối với các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 13 Nghị định này. Trường hợp xe được cấp cả tem kiểm định thì thực hiện thu hồi giấy chứng nhận kiểm định cùng tem kiểm định.

9. Từ chối kiểm định đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 43 của Luật.

10. Ngừng hoạt động kiểm định, chứng nhận cải tạo khi có quyết định tạm đình chỉ hoặc thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới, giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy của cơ quan có thẩm quyền.

11. Thực hiện các hoạt động dịch vụ kỹ thuật liên quan đến xe cơ giới, xe máy chuyên dùng và khí thải xe mô tô, xe gắn máy.

12. Thực hiện các chương trình, kế hoạch tập huấn, thực tập, đánh giá thực hiện các công việc chuyên môn theo quy định của pháp luật.

13. Duy trì bộ phận giải quyết các công việc liên quan đến hồ sơ về kiểm định, chứng nhận cải tạo trong thời gian cơ sở đăng kiểm tạm ngừng, tạm đình chỉ hoạt động kiểm định, trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Đăng thông tin phương tiện vi phạm

Các trường hợp phương tiện bị từ chối kiểm định quy định tại khoản 1 Điều 43 của Luật và trường hợp phương tiện có kết quả kiểm định không đạt phải được đăng tải, chia sẻ thông tin trên hệ thống cơ sở dữ liệu về đăng kiểm xe cơ giới, xe máy chuyên dùng theo quy định của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Điều 13. Giấy chứng nhận kiểm định

1. Giấy chứng nhận kiểm định được cấp dưới dạng bản điện tử, trường hợp chủ xe có yêu cầu cấp bản giấy thì cơ sở đăng kiểm in giấy chứng nhận từ phần mềm quản lý (không sử dụng phôi ấn chỉ) và đóng dấu xác nhận để cấp cho chủ xe.

2. Xe tham gia giao thông thì được cấp giấy chứng nhận kiểm định và dán tem kiểm định.

3. Xe không tham gia giao thông hoặc khi tham gia giao thông phải được cấp phép của cơ quan có thẩm quyền thì chỉ cấp giấy chứng nhận kiểm định, không dán tem kiểm định.

4. Giấy chứng nhận kiểm định, giấy chứng nhận cải tạo không có giá trị khi được cấp không đúng quy định của pháp luật, bao gồm:

a) Phương tiện không được kiểm định, chứng nhận cải tạo theo đúng trình tự, thủ tục trong hoạt động kiểm định, chứng nhận cải tạo;

b) Hồ sơ kiểm định, chứng nhận cải tạo được lập và xác nhận không đúng quy định về kiểm định, chứng nhận cải tạo;

c) Được kiểm định, chứng nhận cải tạo bởi người không có chuyên môn và thẩm quyền;

d) Được kiểm định, chứng nhận cải tạo bởi phương tiện đo: không bảo đảm độ chính xác; không được kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm theo quy định của pháp luật về đo lường hoặc giấy chứng nhận kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm hết hạn hoặc bị thu hồi;

đ) Cấp giấy chứng nhận kiểm định cho phương tiện thuộc trường hợp bị từ chối kiểm định theo quy định tại 1 Điều 43 của Luật.

5. Giấy chứng nhận kiểm định hết hiệu lực khi:

a) Phương tiện không bảo đảm an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật;

b) Đã có thông tin về việc giấy chứng nhận kiểm định bị mất hoặc thu hồi trên phần mềm quản lý kiểm định;

c) Giấy chứng nhận kiểm định đã được thay thế bởi giấy chứng nhận kiểm định khác;

d) Phương tiện có kết quả kiểm định không đạt;

đ) Phương tiện đã bị cải tạo trái phép.

Điều 14. Thẩm quyền ký giấy chứng nhận kiểm định

1. Cơ sở đăng kiểm xe cơ giới

a) Lãnh đạo cơ sở đăng kiểm xe cơ giới theo quy định tại Điều 6 của Nghị định này;

b) Lãnh đạo bộ phận kiểm định được lãnh đạo cơ sở đăng kiểm xe cơ giới phân công.

2. Cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy

a) Lãnh đạo của cơ sở kiểm định khí thải được bổ nhiệm theo quy định của pháp luật;

b) Đăng kiểm viên được lãnh đạo cơ sở kiểm định khí thải phân công.

Điều 15. Tạm đình chỉ hoạt động kiểm định của cơ sở đăng kiểm

1. Cơ sở đăng kiểm bị tạm đình chỉ hoạt động khi vi phạm một trong các trường hợp sau đây:

a) Không cung cấp thông tin lưu trữ hồ sơ phương tiện tại cơ sở đăng kiểm cho các cơ sở đăng kiểm khác trong hoạt động kiểm định, chứng nhận cải tạo khi có đề nghị;

b) Cung cấp tài khoản đăng nhập để đăng, gỡ thông tin phương tiện vi phạm đối với xe cơ giới, xe máy chuyên dùng trên phần mềm sử dụng trong hoạt động kiểm định cho người không do cơ sở đăng kiểm phân công quản lý, sử dụng;

c) Không thực hiện việc thu hồi giấy chứng nhận kiểm định, giấy chứng nhận cải tạo theo quy định tại khoản 8 Điều 11;

d) Tự ý sửa chữa, xóa bỏ phiếu lập hồ sơ phương tiện, phiếu kết quả kiểm định phương tiện; hồ sơ chứng nhận cải tạo;

đ) Ép buộc chủ xe đưa xe đi sửa chữa, bảo dưỡng tại các cơ sở bảo dưỡng, sửa chữa chỉ định.

2. Thời hạn tạm đình chỉ

Cơ sở đăng kiểm bị tạm đình chỉ hoạt động kiểm định 01 tháng khi vi phạm một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 16. Thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định của cơ sở đăng kiểm

1. Cơ sở đăng kiểm bị thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khi vi phạm một trong các trường hợp sau đây:

a) Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới, giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy được cấp do làm giả các hồ sơ, giấy tờ, tài liệu để được cấp giấy chứng nhận;

b) Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới, giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy bị cố ý tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung;

c) Bị tạm đình chỉ hoạt động kiểm định theo quy định tại Điều 15 của Nghị định này từ 03 lần trong thời gian 12 tháng liên tục;

d) Bị xử phạt vi phạm hành chính từ 03 lần trở lên theo quy định tại Nghị định xử phạt vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông trong lĩnh vực giao thông đường bộ; trừ điểm, phục hồi điểm giấy phép lái xe trong thời hạn 12 tháng liên tục;

đ) Trong thời gian 12 tháng liên tục có từ 05 lần đăng kiểm viên bị tạm đình chỉ chứng chỉ đăng kiểm viên hoặc từ 03 lần đăng kiểm viên trở lên bị thu hồi chứng chỉ đăng kiểm viên;

e) Sửa dữ liệu phương tiện, dữ liệu kiểm định, chứng nhận cải tạo nhằm hợp thức hóa thông tin phương tiện, kết quả kiểm tra phương tiện;

g) Không duy trì bộ phận giải quyết các công việc liên quan đến hồ sơ về kiểm định, chứng nhận cải tạo trong thời gian đơn vị tạm ngừng, tạm đình chỉ hoạt động kiểm định, trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định của pháp luật;

h) Ngừng hoạt động kiểm định quá 12 tháng liên tục;

i) Bố trí người thực hiện kiểm định, chứng nhận cải tạo không phải là đăng kiểm viên được cấp chứng chỉ chuyên môn phù hợp với công việc thực hiện; phân công đăng kiểm viên cùng một thời gian trong ngày đồng thời thực hiện kiểm định, chứng nhận cải tạo tại 02 cơ sở đăng kiểm trở lên;

k) Cơ sở đăng kiểm giải thể.

2. Cơ sở đăng kiểm đã bị thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định chỉ được xem xét cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định sau 12 tháng kể từ ngày có quyết định thu hồi, trừ trường hợp quy định tại điểm h khoản 1 Điều này.

Điều 17. Cơ sở dữ liệu về đăng kiểm xe cơ giới, xe máy chuyên dùng

Cơ sở dữ liệu về đăng kiểm xe cơ giới, xe máy chuyên dùng được xây dựng để quản lý thống nhất hoạt động kiểm định, chứng nhận cải tạo xe cơ giới, xe máy chuyên dùng trên toàn quốc theo quy định của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Chương IV
NIÊN HẠN SỬ DỤNG CỦA XE CƠ GIỚI

Điều 18. Xác định niên hạn sử dụng

1. Hai mươi lăm (25) năm tính từ năm sản xuất đối với xe ô tô chở hàng (xe ô tô tải), xe ô tô chở hàng chuyên dùng (xe ô tô tải chuyên dùng).

2. Hai mươi (20) năm tính từ năm sản xuất đối với xe ô tô chở người có số người cho phép chở từ 09 người trở lên (không kể người lái xe), xe ô tô chở trẻ em mầm non, xe ô tô chở học sinh, xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ.

3. Mười lăm (15) năm tính từ năm sản xuất đối với xe chở người bốn bánh có gắn động cơ.

4. Niên hạn sử dụng đối với xe tương tự xe cơ giới được áp dụng như các loại xe cơ giới tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này; bảo đảm phù hợp với từng chức năng, công dụng của từng loại xe tương tự.

5. Danh sách xe hết niên hạn sử dụng được tổng hợp trên cơ sở dữ liệu đăng kiểm xe cơ giới để phục vụ công tác tuần tra, kiểm soát.

Điều 19. Xác định năm sản xuất

1. Năm sản xuất của xe được xác định căn cứ vào thông tin về năm sản xuất tại một trong các tài liệu theo thứ tự ưu tiên sau đây:

a) Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới nhập khẩu đối với xe nhập khẩu; phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng đối với xe sản xuất, lắp ráp trong nước;

b) Thông tin năm sản xuất của nhà sản xuất gắn trên xe;

c) Kết quả tra cứu từ nhà sản xuất hoặc tài liệu do nhà sản xuất cung cấp.

2. Xe không có tài liệu, hồ sơ, cơ sở nêu tại khoản 1 Điều này được coi là hết niên hạn sử dụng.

Chương V
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 20. Trách nhiệm của Bộ Xây dựng

1. Quản lý nhà nước trong hoạt động kiểm định, chứng nhận cải tạo xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy và tổ chức triển khai thực hiện Nghị định này.

2. Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh kiểm tra xác nhận cơ sở đăng kiểm theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở đăng kiểm trong trường hợp chưa có tổ chức đánh giá sự phù hợp đánh giá cơ sở đăng kiểm hoặc có Tổ chức đánh giá sự phù hợp nhưng chưa đáp ứng được nhu cầu đánh giá của cơ sở đăng kiểm.

Điều 21. Trách nhiệm của Bộ Khoa học và Công nghệ

1. Tổ chức thực hiện việc kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo theo quy định của pháp luật về đo lường.

2. Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương có liên quan tổ chức thực hiện kiểm tra việc sử dụng phương tiện đo trong hoạt động kiểm định, chứng nhận cải tạo xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy theo quy định của pháp luật về đo lường.

Điều 22. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố

1. Phối hợp với Bộ Xây dựng tổ chức triển khai thực hiện Nghị định này.

2. Tổ chức thực hiện việc quản lý nhà nước đối với hoạt động kiểm định, chứng nhận cải tạo xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy tại địa phương theo quy định tại Nghị định này.

3. Tổ chức kiểm tra xác nhận cơ sở đăng kiểm phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở đăng kiểm trong trường hợp chưa có Tổ chức đánh giá sự phù hợp đánh giá cơ sở đăng kiểm hoặc có Tổ chức đánh giá sự phù hợp nhưng chưa đáp ứng được nhu cầu đánh giá của cơ sở đăng kiểm.

4. Cử người tham dự tập huấn nghiệp vụ quản lý hoạt động kiểm định, chứng nhận cải tạo.

5. Định kỳ trước ngày 30 tháng cuối quý, gửi bản giấy hoặc dữ liệu điện tử về Bộ Xây dựng kết quả thực hiện quy định tại khoản 2 Điều này hoặc khi có đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục IV kèm theo Nghị định này. Trường hợp đã có kết nối chia sẻ dữ liệu với Bộ Xây dựng thì không phải thực hiện trách nhiệm này.

6. Chỉ định cơ sở đăng kiểm tiếp nhận hồ sơ lưu trữ liên quan đến: kiểm định, chứng nhận cải tạo xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy của cơ sở đăng kiểm bị thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định.

Điều 23. Trách nhiệm của tổ chức thành lập cơ sở đăng kiểm

1. Thực hiện các quy định liên quan tại Nghị định này và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở đăng kiểm.

2. Chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới, giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.

3. Trước khi đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định, tổ chức thành lập cơ sở đăng kiểm thực hiện vận hành thử toàn bộ hệ thống kiểm định của cơ sở đăng kiểm bảo đảm kiểm định phương tiện được thông suốt từ đầu cho đến khi kết thúc và không để xảy ra sự cố. Riêng đối với cơ sở đăng kiểm xe cơ giới thời gian vận hành thử phải bảo đảm tối thiểu 01 tháng.

4. Không được can thiệp vào hoạt động kiểm định, chứng nhận cải tạo xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy của cơ sở đăng kiểm trực thuộc để làm trái các quy định của pháp luật.

5. Lựa chọn Tổ chức đánh giá sự phù hợp để đánh giá cơ sở đăng kiểm hoặc đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh kiểm tra xác nhận sự phù hợp của cơ sở đăng kiểm với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở đăng kiểm trong trường hợp Tổ chức đánh giá sự phù hợp chưa đáp ứng được nhu cầu đánh giá của cơ sở đăng kiểm. Sử dụng kết quả này để thực hiện thủ tục cấp mới: giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới, giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.

Điều 24. Trách nhiệm của cơ sở đăng kiểm

1. Xây dựng, ban hành quy trình, hướng dẫn nội bộ của cơ sở đăng kiểm để thực hiện đầy đủ các nội dung kiểm tra theo quy định về kiểm định, chứng nhận cải tạo xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy theo quy định của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

2. Quản lý, giám sát nội bộ hoạt động kiểm định, chứng nhận cải tạo xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy và chịu trách nhiệm toàn diện khi để xảy ra vi phạm, tiêu cực tại cơ sở đăng kiểm.

3. Phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền trong việc triển khai, thí điểm ứng dụng công nghệ, thiết bị kiểm tra mới vào hoạt động kiểm định, chứng nhận cải tạo xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy. Tạo điều kiện cho sinh viên, học viên thực tập nghiệp vụ kiểm định, chứng nhận cải tạo xe cơ giới, xe máy chuyên dùng đến thực tập tại cơ sở đăng kiểm.

4. Bàn giao đầy đủ hồ sơ lưu trữ liên quan đến kiểm định, chứng nhận cải tạo xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy theo chỉ định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh khi cơ sở đăng kiểm bị thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định.

5. Quản lý, sử dụng các phần mềm do Bộ Xây dựng cung cấp trong hoạt động kiểm định, chứng nhận cải tạo xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, kiểm định

khí thải xe mô tô, xe gắn máy đúng mục đích, bảo đảm an toàn, an ninh mạng theo quy định của pháp luật.

6. Thông báo thu hồi bản giấy hoặc bản điện tử theo mẫu quy định tại Phụ lục V kèm theo Nghị định này đối với các trường hợp giấy chứng nhận kiểm định, giấy chứng nhận cải tạo không có giá trị theo quy định tại khoản 4 Điều 13 của Nghị định này và chia sẻ lên cơ sở dữ liệu về đăng kiểm xe cơ giới, xe máy chuyên dùng.

7. Thu giá dịch vụ, phí, lệ phí và thực hiện các nghĩa vụ với ngân sách nhà nước liên quan đến hoạt động kiểm định, chứng nhận cải tạo theo quy định của pháp luật.

8. Lựa chọn Tổ chức đánh giá sự phù hợp để đánh giá cơ sở đăng kiểm hoặc đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh kiểm tra xác nhận sự phù hợp của cơ sở đăng kiểm với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở đăng kiểm trong trường hợp Tổ chức đánh giá sự phù hợp chưa đáp ứng được nhu cầu đánh giá của cơ sở đăng kiểm. Sử dụng kết quả này để thực hiện thủ tục cấp lại: giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới, giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.

9. Trang bị dấu số và chữ ký số để thực hiện việc phát hành giấy chứng nhận kiểm định bản điện tử.

10. Cử người giám định tư pháp theo vụ việc thực hiện giám định tư pháp theo quyết định trưng cầu giám định tư pháp tại địa phương.

11. Trong trường hợp ngừng hoạt động kiểm định xe cơ giới, kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy, cơ sở đăng kiểm phải thực hiện:

a) Trường hợp ngừng hoạt động từ 03 ngày liên tục trở lên nhưng dưới 30 ngày: thông báo bằng bản giấy hoặc dữ liệu điện tử cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong nêu rõ lý do ngừng hoạt động, phương án khắc phục. Trường hợp đã có kết nối chia sẻ dữ liệu với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thì không phải thực hiện trách nhiệm này. Thông báo bằng văn bản tại phòng chờ của cơ sở đăng kiểm; duy trì bộ phận giải quyết các công việc liên quan đến hồ sơ về việc kiểm định, chứng nhận cải tạo.

b) Trường hợp ngừng hoạt động từ 30 ngày đến 12 tháng liên tục: thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bằng bản giấy hoặc dữ liệu điện tử, nêu rõ lý do, thời gian ngừng hoạt động trước thời điểm ngừng hoạt động 30 ngày. Trường hợp đã có kết nối chia sẻ dữ liệu với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thì không phải thực hiện trách nhiệm này. Thông báo bằng văn bản tại phòng chờ của cơ sở đăng kiểm; duy trì bộ phận giải quyết các công việc liên quan đến hồ sơ về việc kiểm định, chứng nhận cải tạo.

12. Thực hiện in phôi tem kiểm định theo mẫu quy định tại Phụ lục IV Nghị định số 166/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới; tổ chức, hoạt động của cơ sở đăng kiểm; niên hạn sử dụng của xe cơ giới để sử dụng từ ngày Nghị định này có hiệu lực cho đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026.

Chương VI
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 25. Điều khoản chuyển tiếp

1. Cơ sở đăng kiểm xe cơ giới được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới trước ngày 01 tháng 01 năm 2025 nhưng chưa đáp ứng được điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 5 của Nghị định này thì được tiếp tục hoạt động đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2028.

2. Cơ sở đăng kiểm đã được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định nhưng chưa được Tổ chức đánh giá sự phù hợp đánh giá thì phải được Tổ chức đánh giá sự phù hợp đánh giá sự phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở đăng kiểm trước ngày 01 tháng 01 năm 2029.

3. Các phương tiện đã được xác định có niên hạn sử dụng hoặc không có niên hạn sử dụng trước ngày 01 tháng 01 năm 2025 thì tiếp tục được áp dụng theo niên hạn sử dụng đã được xác định.

4. Hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định đã nộp trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì thực hiện theo quy định của Nghị định số 166/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới; tổ chức, hoạt động của cơ sở đăng kiểm; niên hạn sử dụng của xe cơ giới.

Điều 26. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

2. Nghị định số 166/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới; tổ chức, hoạt động của cơ sở đăng kiểm; niên hạn sử dụng của xe cơ giới hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

3. Quy định về việc dán tem kiểm định quy định tại khoản 2 Điều 13 Nghị định này hết hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027.

Điều 27. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Trần Hồng Hà

Phụ lục I
MẪU SỔ PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ
(Kèm theo Nghị định số 89/2026/NĐ-CP ngày 30 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ)

1. Trang bìa

Cơ sở đăng kiểm (mã số) **SỔ PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ** Tháng … năm …

2. Các trang trong Sổ
Ngày …/.../…

TT	Họ tên Đăng kiểm viên	Thực hiện nhiệm vụ	Dây chuyền số				Ký nhận nhiệm vụ	Ghi chú
			1	2	3	...		
1	Nguyễn Văn A	Công đoạn 1 và 2						Buổi chiều nghỉ, Nguyễn Văn B thực hiện
2	Nguyễn Văn B	Công đoạn 3						
	……							
3	Nguyễn Thị D	In phiếu lập HSPT						
4	Nguyễn Văn H	Nhập số liệu, trả hồ sơ …….						
5	Nguyễn Đình G	Phụ trách dây chuyền						
6	Nguyễn Văn C	Kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy						Thực hiện kiểm định thay Nguyễn Văn A từ ……

LÃNH ĐẠO CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM
(hoặc LÃNH ĐẠO BỘ PHẬN KIỂM ĐỊNH)
(ký và ghi rõ họ tên)

Chú ý:
1) Phân công nhiệm vụ đầu giờ sáng hàng ngày, mỗi ngày có một phiếu phân công, cuối ngày photo lưu cùng hồ sơ kiểm định.
2) Nếu có thay đổi vị trí trong ngày, người phân công ghi bổ sung và người nhận nhiệm vụ ký tiếp vào trang này.
3) Mỗi tháng đóng 01 Sổ.

Phụ lục II
MẪU THÔNG BÁO SỰ CỐ HƯ HỎNG/THAY ĐỔI THIẾT BỊ, DỤNG CỤ KIỂM TRA
(Kèm theo Nghị định số 89/2026/NĐ-CP ngày 30 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ)

……[1]……	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
……[2]……..	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: …/…	*…[3]…, ngày … tháng … năm …*

THÔNG BÁO
Về sự cố hư hỏng/thay đổi thiết bị, dụng cụ kiểm tra

Kính gửi: ……[4]……..…

Căn cứ Nghị định số .../2026/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2026 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới; tổ chức, hoạt động của cơ sở đăng kiểm; niên hạn sử dụng của xe cơ giới;

Các căn cứ khác (nếu có).

……[5]…… xin báo cáo về sự cố hư hỏng/thay đổi thiết bị, dụng cụ kiểm tra của ..…[5]…… như sau:

TT	Tên thiết bị	Nhãn hiệu	Số seri	Năm sản xuất	Xuất xứ	Tình trạng sử dụng	Dây chuyền[6]	Ghi chú[7]
1								
2								
…								

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- …;
- Lưu ...

LÃNH ĐẠO CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM
(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

[1] Tên cơ quan, tổ chức chủ quản trực tiếp (nếu có).
[2] Tên cơ sở đăng kiểm thực hiện thông báo.
[3] Địa danh.
[4] Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
[5] Tên cơ sở đăng kiểm thực hiện thông báo.
[6] Chỉ áp dụng cho cơ sở đăng kiểm xe cơ giới.
[7] Ghi rõ tình trạng thiết bị: hư hỏng hoặc phương tiện mới bổ sung (đã qua sử dụng).

Phụ lục III
MẪU THÔNG BÁO THAY ĐỔI NHÂN SỰ
(Kèm theo Nghị định số 89/2026/NĐ-CP ngày 30 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ)

……[1]……	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
…….[2]…….	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: …/…	*…[3]…, ngày ... tháng ... năm ...*

THÔNG BÁO
Về việc thay đổi nhân sự

Kính gửi: ……[4]……..

Căn cứ Nghị định số .../2026/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2026 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới; tổ chức, hoạt động của cơ sở đăng kiểm; niên hạn sử dụng của xe cơ giới;

Các căn cứ khác (nếu có).

1. ……[5]…… xin báo cáo về việc thay đổi nhân sự tại ……[5]…… như sau:

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Số CCCD/Hộ chiếu/Số định danh cá nhân	Chức vụ/Chức danh	Mã số ĐKV [6]	Thời điểm tiếp nhận/bổ nhiệm/nghỉ việc	Ghi chú
1.	Nguyễn Văn A			Phó Giám đốc		01/02/2026	Bổ nhiệm
2.	Nguyễn Văn B			Lãnh đạo (Trưởng bộ phận, phó trưởng bộ phận) bộ phận kiểm định		01/01/2026	Bổ nhiệm
3.	Nguyễn Văn C			Đăng kiểm viên …		01/3/2026	Tiếp nhận
…							

2. Danh sách nhân sự hiện tại của ……[5]…… gồm:

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Số CCCD	Chức vụ/Chức danh	Mã số ĐKV[6]	Số Điện thoại	Ghi chú
1.	Nguyễn Văn A						
2.	Nguyễn Văn B						
…							

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- …;
- Lưu ...

LÃNH ĐẠO CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM
(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

[1] Tên cơ quan, tổ chức chủ quản trực tiếp (nếu có).
[2] Tên cơ sở đăng kiểm thực hiện thông báo.
[3] Địa danh.
[4] Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
[5] Tên cơ sở đăng kiểm thực hiện thông báo.
[6] Áp dụng đối với nhân sự là đăng kiểm viên.

Phụ lục IV
MẪU THÔNG BÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG KIỂM ĐỊNH TRÊN ĐỊA BÀN
(Kèm theo Nghị định số 89/2026/NĐ-CP ngày 30 thán 3 năm 2026 của Chính phủ)

……[1]……	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
……..[2]……	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: …/…	*…[3]…, ngày … tháng … năm …*

THÔNG BÁO
Kết quả thực hiện quản lý hoạt động kiểm định trên địa bàn

Kính gửi: ……[4]……..

Căn cứ Nghị định số .../2026/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2026 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới; tổ chức, hoạt động của cơ sở đăng kiểm; niên hạn sử dụng của xe cơ giới;

Các căn cứ khác (nếu có).

……[5]…… xin thông báo kết quả thực hiện quản lý hoạt động kiểm định trên địa bàn thời gian từ ngày … tháng … năm … đến ngày … tháng … năm … như sau:

1. Kết quả kiểm tra, xử lý và kiến nghị xử lý vi phạm[6]

TT	Cơ sở đăng kiểm bị kiểm tra	Nội dung kiểm tra	Xử lý và kiến nghị xử lý vi phạm	Ghi chú
…				

2. Nội dung khác (nếu có)

…..

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- …;
- Lưu ...

……[7]……
(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

[1] Tên cơ quan chủ quản trực tiếp (nếu có).
[2] Tên cơ quan, đơn vị thực hiện thông báo.
[3] Địa danh.
[4] Bộ Xây dựng (hoặc Cơ quan quản lý chuyên ngành nhà nước về đăng kiểm của Bộ Xây dựng).
[5] Tên cơ sở đăng kiểm thực hiện thông báo.
[6] Gửi kèm theo bản sao kết quả kiểm tra.
[7] Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (hoặc Lãnh đạo cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).

Phụ lục V
MẪU THÔNG BÁO THU HỒI GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH, GIẤY CHỨNG NHẬN CẢI TẠO
(Kèm theo Nghị định số 89/2026/NĐ-CP ngày 30 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ)

.....[1].....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
.....[2].....	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: …[3]../...-…	*...[4]..., ngày ... tháng ... năm ...*

THÔNG BÁO
Thu hồi Giấy chứng nhận kiểm định/ Giấy chứng nhận cải tạo

Kính gửi: ……[5]……..……

Căn cứ Nghị định số .../2026/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2026 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới; tổ chức, hoạt động của cơ sở đăng kiểm; niên hạn sử dụng của xe cơ giới.

Cơ sở đăng kiểm …….. đã cấp giấy chứng nhận kiểm định/giấy chứng nhận cải tạo có số ……. cho xe có đặc điểm sau:

- Biển số đăng ký (nếu đã được cấp): …….....
- Nhãn hiệu ..... số loại: .....
- Loại phương tiện: …….....
- Số khung: …….
- Số động cơ: …….....

Lý do thu hồi: ……..…

……

Đề nghị …….. đến cơ sở đăng kiểm ……., địa chỉ: ……....……..để được cấp lại giấy chứng nhận kiểm định/giấy chứng nhận cải tạo theo quy định.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh… (để b/c);
- Lưu: ...

....., ngày ... tháng ... năm ...
LÃNH ĐẠO CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:
[1] Tên đơn vị chủ quản.
[2] Tên cơ sở đăng kiểm.
[3] Số công văn.
[4] Địa danh.
[5] Chủ xe.